VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa

Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điềuchỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa (sau đây viết tắt là Nghị định số 132/2015/NĐ-CP) về việc xác định hành vi vi phạm hành chính; thủ tục, hình thức xử phạt; xác định thẩm quyền xử phạt.

---

[1] Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa."

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa bao gồm các hành vi vi phạm quy định tại Chương II của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có thẩm quyền xử phạt, lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Nghị định số 132/2015/NĐ-CP.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa; tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

1. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa tuân thủ theo quy định tại Điều 3 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2.[2] Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm, người có thẩm quyền xử phạt, lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa và Thông tư này.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phương pháp xác định trọng tải, công suất của phương tiện không đăng kiểm, không đăng ký

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Đối với các hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định số 132/2015/NĐ-CP liên quan đến phương tiện không đăng ký, không đăng kiểm thì phương pháp xác định trọng tải toàn phần, công suất của phương tiện để áp dụng xử phạt, như sau:

1. Trọng tải toàn phần của phương tiện ký hiệu là T (tấn) và được tính theo công thức T = A x K, trong đó:

a) A là giá trị của số đo chiều dài boong chính, đo từ mũi đến lái phương tiện nhân với số đo chiều rộng mép boong ở giữa phương tiện nhân với số đo chiều cao mạn, đo từ đáy đến mặt boong ở giữa phương tiện, được tính theo công thức A = L x B x D, trong đó:

L (m): Chiều dài boong chính đo từ mũi đến hết lái phương tiện;

B (m): Chiều rộng mép boong đo ở giữa phương tiện;

D (m): Chiều cao mạn đo từ đáy đến mặt boong ở giữa phương tiện.

b) K là hệ số tương ứng với giá trị A và áp dụng như sau:

Giá trị của A từ 4,55 m^3 đến 18,76 m^3 thì hệ số K = 0,26;

Giá trị của A từ trên 18,76 m^3 đến 49,80 m^3 thì hệ số K = 0,29;

Giá trị của A từ trên 49,80 m^3 đến 387,20 m^3 thì hệ số K = 0,35;

Giá trị của A từ trên 387,20 m^3 đến 1.119,80 m^3 thì hệ số K = 0,51;

Giá trị của A trên 1.119,80 m^3 thì hệ số K = 0,57.

2. Trường hợp không xác định được trọng tải toàn phần theo quy định tại Khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền đề nghị Cơ quan đăng kiểm xác định trọng tải toàn phần của phương tiện để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

3. Nếu phương tiện không phải là phương tiện vận tải hàng hóa, hành khách thì căn cứ vào tổng công suất máy chính lắp trên phương tiện để áp dụng hình thức, mức phạt.

4. Đối với phương tiện như: bến nổi hoặc kết cấu nổi khác mà trên đó đặt thiết bị thi công cuốc, hút để nạo vét luồng, khai thác khoáng sản, xếp dỡ hàng hóa nếu không đủ căn cứ để xác định trọng tải toàn phần hoặc công suất của phương tiện thì xác định như sau:

a) Phương tiện có chiều dài lớn nhất đến 10 m hoặc có chiều rộng lớn nhất đến 4 m thì được xác định như phương tiện có trọng tải toàn phần từ 5 tấn đến 15 tấn;

b) Phương tiện có chiều dài lớn nhất trên 10 m hoặc có chiều rộng lớn nhất trên 4 m thì được xác định như phương tiện có trọng tải toàn phần trên 15 tấn;

c) Chiều dài của phương tiện được tính từ điểm ngoài cùng của mũi phương tiện đến điểm ngoài cùng của lái phương tiện hoặc từ hai điểm ngoài cùng của phương tiện nơi có mặt cắt lớn nhất trên mặt boong;

d) Chiều rộng của phương tiện được tính từ mép boong bên này đến mép boong bên kia, ở vị trí có kích thước lớn nhất.

Điều 5. Cách đổi các đơn vị ra dung tích (GT)

Trường hợp giấy chứng nhận của phương tiện không ghi dung tích thì dung tích của phương tiện được tính như sau:

1. Phương tiện thủy có động cơ: 1,5 tấn trọng tải đăng ký bằng 01 GT.

2. Phương tiện thủy không có động cơ: 01 tấn trọng tải đăng ký tính bằng 01 GT.

3. Tàu kéo, tàu đẩy: 01 sức ngựa bằng 0,5 GT.

Điều 6. Vi phạm quy định về xây dựng, bảo vệ và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1. Phương tiện, thiết bị bị tịch thu được quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều 5 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP là: xáng cạp, cuốc, hút, cẩu ngoạm và thiết bị máy nổ, máy bơm, máy hút, đường ống, các máy móc, thiết bị, dụng cụ khác được sử dụng trực tiếp khai thác cát sỏi hoặc khoáng sản khác.

2. Phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Điểm đ Khoản 9 Điều 5 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP là phạm vi bảo vệ công trình kè, đập, báo hiệu, mốc thủy chí, mốc đo đạc, mốc giới hạn hành lang bảo vệ luồng và những công trình khác, trừ luồng và hành lang bảo vệ luồng.

3. Chủ thể vi phạm quy định tại Điều 7 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP là tổ chức, cá nhân được giao hoặc trúng thầu làm nhiệm vụ quản lý, bảo trì đường thủy nội địa.

Điều 7. Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của phương tiện

1. Hành vi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 132/2005/NĐ-CP là hành vi kẻ, gắn số đăng ký trên phương tiện không đúng một trong các quy định sau đây:

a) Số đăng ký phương tiện gồm 2 nhóm, nhóm chữ và nhóm số;

b) Kích thước chữ và số kẻ trên phương tiện phải đảm bảo điều kiện: Chiều cao tối thiểu 200 mm, chiều rộng nét tối thiểu 30 mm và khoảng cách giữa các chữ hoặc số là 30 mm;

c) Màu của chữ và số đăng ký phải khác màu nền nơi kẻ chữ và số đăng ký;

d) Vị trí số đăng ký của phương tiện:

Số đăng ký của phương tiện phải được kẻ ở nơi không bị che khuất tại bên trái, bên phải và phía trước cabin của phương tiện;

Trường hợp phương tiện không có cabin thì kẻ tại phần mạn khô ở hai bên mũi của phương tiện;

Trường hợp phương tiện không có cabin và chiều cao mạn khô không đủ để kẻ, gắn số đăng ký theo quy định thì được phép thu nhỏ kích thước khi kẻ, nhưng phải kẻ tại nơi dễ nhìn nhất.

2. Hành vi quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP là hành vi kẻ vạch dấu mớn nước an toàn không đúng vị trí trên mạn phương tiện hoặc vạch dấu mớn nước mờ hoặc màu của vạch dấu mớn nước trùng với màu của vỏ phương tiện.

3. Xử lý hành vi không có hoặc không mang giấy tờ quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 11 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP như sau:

a) Trường hợp tại thời điểm kiểm tra, chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện không xuất trình được các loại giấy tờ theo quy định như: giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì người có thẩm quyền lập biên bản về hành vi không có giấy tờ. Trong thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu người vi phạm xuất trình được bản chính các giấy tờ hoặc giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện đang thế chấp thì người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt về hành vi không mang theo giấy tờ và phải phô tô, lưu lại giấy tờ đó trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính;

b) Trường hợp giấy tờ của phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện đã bị tạm giữ để bảo đảm việc thi hành quyết định xử phạt, nếu người vi phạm xuất

trình biên bản vi phạm hành chính có ghi giấy tờ bị tạm giữ còn thời hạn, thì được xem như phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện có giấy tờ theo quy định. Nếu thời hạn biên bản vi phạm hành chính đã quá quy định, thì bị xử phạt với hành vi không có giấy tờ theo quy định.

4. Xử phạt đối với hành vi không lắp đặt thiết bị an toàn quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP

a) Thời gian áp dụng xử phạt đối với hành vi không lắp thiết bị nhận dạng tự động - AIS trên phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định khi hoạt động trên tuyến từ bờ ra đảo hoặc giữa các đảo là từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

b) Đối với hành vi không có phao vô tuyến chỉ báo sự cố qua vệ tinh - S.EPIRB trên tàu hàng mang cấp VR-SB dung tích từ 300 GT trở lên và tàu khách hoạt động tuyến vận tải ven biển chỉ bị xử phạt khi có quy định của pháp luật về việc bắt buộc phải lắp phao vô tuyến chỉ báo sự cố qua vệ tinh - S.EPIRB.

5. Hành vi vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện quy định tại Điều 14 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP

Khi kiểm tra và trước khi ra quyết định xử phạt hành vi vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện, người có thẩm quyền phải đối chiếu với thời hạn sử dụng phương tiện quy định tại Điều 4 và Điều 13 Nghị định số 111/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng của phương tiện thủy nội địa và niên hạn sử dụng của phương tiện thủy được phép nhập khẩu để áp dụng xử phạt.

Điều 8. Vi phạm quy định về điều kiện của thuyền viên, người lái phương tiện

1. Những trường hợp không có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ chuyên môn quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP, gồm:

a) Không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn do cơ quan hoặc cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện có thẩm quyền cấp;

b) Sử dụng bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn trong lĩnh vực hàng hải, thủy sản để đảm nhiệm chức danh thuyền viên trên phương tiện thủy nội địa hoặc bằng, chứng chỉ chuyên môn khác không thuộc hệ thống bằng, giấy chứng

nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa.

2. Trường hợp thuyền viên có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng nhưng không phù hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP là thuyền viên đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn hạng bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng theo quy định.

3. Bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn quy định tại Khoản 4 Điều 16 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP, bao gồm:

a) Bằng thuyền trưởng, bằng máy trưởng hạng nhất, hạng nhì, hạng ba, hạng ba hạn chế;

b) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được phân thành bốn hạng: hạng nhất (T1), hạng nhì (T2), hạng ba (T3), hạng tư (T4);

c) Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được phân thành ba hạng: hạng nhất (M1), hạng nhì (M2), hạng ba (M3);

d) Chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản (ATCB);

đ) Chứng chỉ nghiệp vụ: Chứng chỉ thủy thủ hạng nhất (TT1), hạng nhì (TT2); chứng chỉ thợ máy hạng nhất (TM1), hạng nhì (TM2); chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất (LPT1), hạng nhì (LPT2);

e) Chứng chỉ chuyên môn đặc biệt: Chứng chỉ điều khiển phương tiện loại I tốc độ cao (ĐKTĐCI); chứng chỉ điều khiển phương tiện loại II tốc độ cao (ĐKTĐCII); chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển (ĐKVB); chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển (ATVB); chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu (ATXD); chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất (ATHC); chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng (ATKHL).

4. Trường hợp phương tiện được phép chở hành khách và hàng hóa, nếu thuyền viên, người lái phương tiện có vi phạm quy định về hạng bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thì căn cứ vào quy định đảm nhiệm chức danh, loại chứng chỉ chuyên môn áp dụng cho phương tiện chở khách để xử phạt.

Điều 9. Vi phạm quy định đối với chủ phương tiện, người thuê phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện

Hành vi vi phạm sử dụng người không đủ điều kiện theo quy định làm thuyền viên quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP là hành vi chủ phương tiện sử dụng người không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; không đảm bảo sức khỏe; chưa đủ tuổi hoặc quá tuổi theo quy định.

Điều 10. Vi phạm quy định về hoạt động của phương tiện trong phạm vi cảng, bến thủy nội địa

Điều khiển phương tiện vào cảng, bến thủy nội địa mà không có giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 132/2015/NĐ-CP là hành vi khi phương tiện vào cảng, bến mà không có giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa theo quy định tại cảng, bến nơi phương tiện xuất phát trước khi đến cảng, bến đến.

Điều 11. Xử phạt vi phạm hành chính đối với đoàn lai

1. Đoàn lai gồm nhiều phương tiện được ghép lại, trong đó có phương tiện lai và phương tiện bị lai. Trọng tải toàn phần của đoàn lai bao gồm tổng trọng tải toàn phần của các phương tiện bị lai.

2. Xử phạt đối với hành vi chở quá vạch dấu mớn nước an toàn của đoàn lai quy định tại Điều 28 của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP

Trường hợp trong đoàn lai có nhiều phương tiện chở quá vạch dấu mớn nước an toàn, khi xác định hành vi vi phạm phải căn cứ phương tiện bị lai có mức chìm quá mạn khô lớn nhất.

Điều 12. Xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 và Điều 42 của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP và theo quy định sau đây:

1. Đối với những vi phạm hành chính xảy ra tại cảng, bến thủy nội địa không thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa, Cảng vụ Hàng hải thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lực lượng Thanh tra

giao thông, cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đường thủy nội địa, Công an nhân dân.

2. Trên địa bàn giáp ranh hoặc trên cùng một tuyến có nhiều lực lượng làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, lực lượng nào có thẩm quyền xử phạt phát hiện hành vi vi phạm trước thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thuộc lực lượng đó.

Điều 13. Tạm giữ giấy tờ để bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính

1. Trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ và chỉ tạm giữ bản chính một trong các giấy tờ theo thứ tự sau đây cho đến khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt:

a) Bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng, chứng chỉ lái phương tiện;

b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoặc Giấy xác nhận của tổ chức tín dụng còn hiệu lực đối với trường hợp phương tiện thế chấp;

c) Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện;

d) Bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của máy trưởng;

đ) Giấy tờ liên quan đến tang vật, phương tiện khác.

2. Người có thẩm quyền tạm giữ giấy tờ phải ghi đầy đủ thông tin của giấy tờ bị tạm giữ, thời gian tạm giữ trong biên bản vi phạm hành chính và giao cho người vi phạm có giấy tờ bị tạm giữ.

Điều 14. Chế độ thông tin

1. Trường hợp tạm giữ giấy tờ phương tiện, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn để bảo đảm việc xử phạt, nếu quá thời hạn ghi trong biên bản vi phạm hành chính mà cá nhân, tổ chức không thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì trong thời hạn 3 ngày, kể từ ngày hết hạn tạm giữ ghi trong giấy tờ tạm giữ hoặc biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác về Cục Cảnh sát giao thông. Các trường hợp đã thông báo nhưng sau đó tổ chức, cá nhân đến thi hành quyết định xử phạt thì đơn vị xử phạt phải thông báo lại cho Cục Cảnh sát giao thông.

2. Trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, bằng, chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề thì phải thông báo ngay bằng văn bản hoặc hình thức khác cho cơ quan cấp giấy tờ đó và Cục Cảnh sát giao thông.

3. Thông báo gửi cho cơ quan cấp giấy tờ, Cục Cảnh sát giao thông phải ghi rõ loại giấy tờ tạm giữ hoặc bị tước quyền sử dụng: tên, số, ký hiệu của giấy tờ, số đăng ký phương tiện, thời gian tạm giữ, thời gian tước quyền sử dụng, họ tên, địa chỉ của người có giấy tờ bị tạm giữ hoặc bị tước quyền sử dụng và hành vi vi phạm hành chính.

Điều 15. Mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa[3]

Ban hành kèm theo Thông tư này một số mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa. Các loại mẫu biên bản, mẫu quyết định khác áp dụng theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Hiệu lực thi hành[4]

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016.

---

[3] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

[4] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018 quy định như sau:

"***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

2. Bãi bỏ Phụ lục mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này."

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 05/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2018

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Nhật

PHỤ LỤC[5]

MẪU BIÊN BẢN, MẪU QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG TRONG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

[5] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

PHỤ LỤC[6]

MẪU BIÊN BẢN, MẪU QUYẾT ĐỊNH SỬ DỤNG TRONG XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mã số	Mẫu biểu
I. MẪU QUYẾT ĐỊNH	
MQĐ01	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa theo thủ tục xử phạt không lập biên bản
MQĐ02	Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MQĐ03	Quyết định giảm/miễn phần còn lại (toàn bộ) tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MQĐ04	Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MQĐ05	Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa (trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính)
MQĐ06	Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MQĐ07	Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MQĐ08	Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MQĐ09	Quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MQĐ10	Quyết định đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
II. MẪU BIÊN BẢN	
MBB01	Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MBB02	Biên bản về việc cá nhân/tổ chức vi phạm không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MBB03	Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MBB04	Biên bản trả lại tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa
MBB05	Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa

[6] Phụ lục này theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 18/2018/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2016/TT-BGTVT ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

MQĐ 01

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPVPHC

[2]....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa theo thủ tục xử phạt không lập biên bản*

Căn cứ Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;[3].....

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có),

Tôi:..... Chức vụ[4]: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục xử phạt không lập biên bản đối với *(ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..../.../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../ .....;

Nơi cấp:.....

(1. Tên tổ chức vi phạm):.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;.....nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[5]:..... Giới tính: .....

Chức danh[6]: .....

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính[7]: .....

3. Quy định tại[8]: .....

4. Địa điểm xảy ra vi phạm:.....

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm (nếu có):.....

Điều 2. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng:

1. Hình thức xử phạt chính[9]: .....

Mức phạt[10]:.....

(Bằng chữ:.....)

2. Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có)[11]: .....

3. Biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)[12]:.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)[13]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

a) Trong trường hợp bị xử phạt tiền, ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt.

Trường hợp không nộp tiền phạt tại chỗ thì ông (bà)/tổ chức có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại[14]..... hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản số[15]..... của[16]..... trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Thời hạn thực hiện hình thức xử phạt bổ sung là.... ngày; thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là..... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Nếu quá thời hạn trên mà ông (bà)/tổ chức[17]..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành.

c) Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 bị tạm giữ[18]..... để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

d) Ông (bà)/Tổ chức[17]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho[16]..... để thu tiền phạt.

3. Gửi cho[19]..... để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho[20]..... để biết/.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục không lập biên bản quy định tại Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội Vụ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên gọi văn bản (tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể).

(4) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(5) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(6) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm.

(8) Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

(9) Ghi rõ một trong các hình thức xử phạt quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật xử lý vi phạm hành chính (cảnh cáo hoặc phạt tiền)

(10) Trường hợp phạt tiền, thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ.

(11) Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cả bằng số và bằng chữ) tương đương giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

(12) Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải thực hiện.

(13) Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

(14) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm thu tiền phạt.

(15) Ghi số tài khoản mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp tiền, phạt trực tiếp hoặc chuyển khoản.

(16) Ghi tên của Kho bạc nhà nước.

(17) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm.

(18) Trong trường hợp quyết định, xử phạt chỉ áp dụng hình thức phạt tiền mà cá nhân/tổ chức vi phạm không có tiền nộp phạt tại chỗ, thì ghi rõ một trong các loại giấy tờ được tạm giữ quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(19) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

(20) Ghi họ và tên của cha/mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên trong trường hợp người chưa thành niên bị xử phạt cảnh cáo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật xử lý vi phạm hành chính.

MQĐ 02

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-XPVPHC

[2]....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25/12/2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa[3].....

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số...../BB-VPHC lập ngày...../...../.....;

Căn cứ Biên bản phiên giải trình trực tiếp số...../BB-GTTT lập ngày..../..../..... (nếu có);

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính, số...../BB-XM lập ngày...../...../..... (nếu có);

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQXP ngày..../...../..... (nếu có),

Tôi:.....

Chức vụ[4]:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với *(ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../..../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../ .....;

Nơi cấp:.....

(1. Tên tổ chức vi phạm):.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[5]:..... Giới tính: .....

Chức danh[6]: .....

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính[7]: .....

3. Quy định tại[8]: .....

4. Các tình tiết tăng nặng (nếu có): .....

.....

5. Các tình tiết giảm nhẹ (nếu có): .....

.....

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính(9):

Cụ thể(10): .....

.....

b) Hình thức xử phạt bổ sung (nếu có)(11): .....

c) Các biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)(12): .....

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả(13)..... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là: .....

(Bằng chữ:.....) cho(14):..... là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...../...../.....

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)(15)..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông (bà)/tổ chức(16)..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật

Trường hợp không nộp tiền phạt trực tiếp cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật xử lý vi phạm hành chính, ông (bà)/tổ chức(16)..... phải nộp tiền phạt tại(17)..... hoặc nộp tiền phạt vào tài khoản số(18)..... của(19)..... trong thời hạn..... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt.

Ông (bà)/Tổ chức(16)..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho(19)..... để thu tiền phạt.

3. Gửi cho(20)..... để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính theo thủ tục có lập biên bản, hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 57 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội Vụ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên gọi văn bản (tên của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể).

(4) Ghi chức danh, và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(5) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(6) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm.

(8) Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

(9) Ghi rõ hình thức xử phạt chính được áp dụng (cảnh cáo/phạt tiền/tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn/tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/trục xuất).

(10) Ghi chi tiết theo hình thức xử phạt chính đã áp dụng (trường hợp phạt tiền, thì ghi rõ mức tiền phạt bằng số và bằng chữ; trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ số lượng, giá trị tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ.

(11) Ghi chi tiết hình thức xử phạt bổ sung (trường hợp tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, thì ghi rõ thời hạn, thời điểm tước hoặc đình chỉ; trường hợp tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi rõ tên tang vật, phương tiện vi phạm, hành chính bị tịch thu, đơn vị tính, số lượng, chủng loại, tình trạng, chất lượng hoặc số tiền (ghi cả bằng số và bằng chữ) tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu, nếu có biên bản kèm theo thì phải ghi rõ).

(12) Ghi cụ thể các biện pháp khắc phục hậu quả mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải thực hiện.

(13) Ghi cụ thể thời hạn thực hiện của từng biện pháp khắc phục hậu quả.

(14) Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, cơ quan nhà nước đã tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì ghi tên của cơ quan đã thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

(15) Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

(16) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm.

(17) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ Kho bạc nhà nước hoặc tên, địa chỉ Ngân hàng thương mại được Kho bạc nhà nước ủy nhiệm, thu tiền phạt.

(18) Ghi số tài khoản mà cá nhân/tổ chức vi phạm phải nộp tiền phạt trực tiếp hoặc chuyển khoản.

(19) Ghi tên của Kho bạc nhà nước.

(20) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

MQĐ 03

CƠ QUAN(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../QĐ-<*GMTP*>(2)	(3)....., *ngày.... tháng.... năm*.....

QUYẾT ĐỊNH
<Giảm/Miễn phần còn lại (toàn bộ)> **(4) tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa***

Căn cứ Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày..../..../..... của(5) .....;

Căn cứ Quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền số...../QĐ-HTHQĐPT ngày..../..../..... của(6) .....;

Xét Đơn đề nghị <giảm/miễn phần còn lại (toàn bộ)> (4) tiền phạt vi phạm hành chính ngày...../...../..... của ông (bà)(7)..... được(8)..... xác nhận,

Tôi: .....

Chức vụ(9): .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. <Giảm/Miễn phần còn lại (toàn bộ)> (4) tiền phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-XPVPHC ngày...../...../..... của(5) .....

1. Số tiền phạt mà ông (bà)(7)..... được <giảm/miễn phần còn lại (toàn bộ)> (4) là:..... đồng

(Bằng chữ: .....).

2. Ông (bà) được nhận lại(10):.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)(7)..... để chấp hành.

2. Gửi cho(11)..... để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: Hồ sơ.	**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*

---

* Mẫu này được sử dụng để giảm, miễn phần còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt cho cá nhân quy định tại Điều 77 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định giảm, miễn phần còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(2) Trường hợp giảm tiền phạt, thì ghi «/QĐ-GTP». Trường hợp miễn phần còn lại hoặc toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt, thì ghi «/QĐ-MTP».

(3) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(4) Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu giảm tiền phạt, thì ghi «giảm»; nếu miễn phần còn lại tiền phạt, thì ghi «miễn phần còn lại»; nếu miễn toàn bộ tiền phạt, thì ghi «miễn toàn bộ».

(5) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(6) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định hoãn thi hành quyết định phạt tiền.

(7) Ghi họ và tên của cá nhân bị phạt tiền.

(8) Ghi tên của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cá nhân bị phạt tiền cư trú hoặc tên của cơ quan, tổ chức nơi người bị phạt tiền đang học tập, làm việc đã thực hiện việc xác nhận.

(9) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, thì chỉ ghi tên của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(10) Ghi cụ thể loại giấy tờ hoặc tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(11) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

MQĐ 04

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-CCXP

[2]....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ Điều 28, Điều 86, Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQCC ngày...../...../..... (nếu có);

Để bảo đảm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày..... /...../..... của[3].....

Tôi:.....

Chức vụ [4]:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với *<ông (bà)/tổ chức>* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../.....;

Nơi cấp:.....

(1. Tên tổ chức vi phạm):.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[5]:..... Giới tính: .....

Chức danh[6]:.....

2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại:

a) Điểm.... Khoản.... Điều.... Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày.../.../... quy định xử phạt vi phạm hành chính.....

b) Điểm.... Khoản.... Điều.... Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày.../.../... quy định xử phạt vi phạm hành chính.....

3. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là(7):.....

a) .....

b) .....

4. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện, gồm(8):

a) .....

b) .....

5. Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là: .....

(Bằng chữ:.....)

cho(9):.....

là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2.

1. Thời gian thực hiện:.... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

2. Địa điểm thực hiện(10): .....

3. Cơ quan, tổ chức phối hợp(11): .....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày

Điều 4. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)(12)..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Trong thời hạn.... ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, ông (bà)/tổ chức(13)

.....

có trách nhiệm thực hiện Quyết định. Nếu quá thời hạn mà ông (bà)/tổ chức(13)

.....

không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Ông (bà)/Tổ chức(13)..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho(14)..... để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Lưu: VT,.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân/tổ chức vi phạm không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(4) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định.

(5) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(6) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi rõ hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục.

(8) Ghi cụ thể từng biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện và thời hạn thực hiện của từng biện pháp.

(9) Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, cơ quan nhà nước đã tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì ghi tên của cơ quan đã thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

(10) Ghi rõ địa chỉ nơi thực hiện cưỡng chế.

(11) Ghi tên của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp trong việc tổ chức thi hành Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

(12) Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

(13) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp cưỡng chế.

(14) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

MQĐ 05

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..../QĐ-KPHQ	[2]....., *ngày.... tháng.... năm*.....

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ Điều 28, khoản 2 Điều 65, Điều 75, Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số:...../BB-VPHC lập ngày...../...../ .....;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQXP ngày..../..../..... (nếu có),

Để khắc phục triệt để hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra,

Tôi: .....

Chức vụ[3]: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra đối với *<ông (bà)/tổ chức>* có tên sau đây:

<1. Họ và tên>:..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh:..../..../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:.....; ngày cấp:...../...../.....; nơi cấp: .....

<1. Tên tổ chức vi phạm>: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:.

.....

Ngày cấp:..../..../.....; nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[4]:..... Giới tính: .....

Chức danh[5]: .....

2. Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại:

a) Điểm.... Khoản.... Điều.... Nghị định số..../..../NĐ-CP ngày..../..../..... quy định xử phạt vi phạm hành chính.....

b) Điểm.... Khoản.... Điều.... Nghị định số..../..../NĐ-CP ngày..../..../..... quy định xử phạt vi phạm hành chính.....

3. Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là[6]:.....

a) .....

b) .....

4. Lý do không ra quyết định xử phạt[7]:.....

.....

5. Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện, gồm[8]:

a) .....

b) .....

6. Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân/tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là:..... (Bằng chữ:.....) cho[9]:..... là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..../..../.....

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)[10]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông (bà)/Tổ chức bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra có tên tại Điều 1 phải thực hiện Quyết định này. Nếu quá thời hạn quy định tại Điều 1 Quyết định này mà ông (bà)/tổ chức[11]..... không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Ông (bà)/Tổ chức[11]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho[12]..... để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính hoặc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp người bị xử phạt chết, mất tích, tổ chức bị xử phạt giải thể, phá sản quy định tại Điều 75 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định.

(4) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(5) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(6) Ghi rõ hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục.

(7) Ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt theo các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, thì ghi «**Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính**» và khoản 1 Mục 1 Điều 1 của Quyết định.

Trường hợp cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức giải thể, phá sản mà không có cá nhân, tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ, thì ghi «**Cá nhân chết, mất tích/tổ chức giải thể, phá sản nhưng không có cá nhân, tổ chức tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ**» và khoản 1 Điều 1 của Quyết định.

(8) Ghi cụ thể từng biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện và thời hạn thực hiện của từng biện pháp.

(9) Trong trường hợp khẩn cấp, cần khắc phục ngay hậu quả để kịp thời bảo vệ môi trường, bảo đảm giao thông, cơ quan nhà nước đã tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì ghi tên của cơ quan đã thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

(10) Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

Trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, thì ghi «**Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính**».

Trường hợp cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức giải thể, phá sản mà không có cá nhân, tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ, thì ghi «**Cá nhân chết, mất tích/tổ chức giải thể, phá sản nhưng không có cá nhân, tổ chức tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ**».

(11) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức vi phạm.

Trường hợp không xác định được đối tượng vi phạm hành chính, thì ghi «**Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính**».

Trường hợp cá nhân chết, mất tích hoặc tổ chức giải thể, phá sản mà không có cá nhân, tổ chức nào tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ, thì ghi «**Cá nhân chết, mất tích/tổ chức giải thể, phá sản nhưng không có cá nhân, tổ chức tiếp nhận chuyển giao quyền và nghĩa vụ**».

(12) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

MQĐ 06

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-TGTVPTGPCC	[2]....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQXP ngày...../..../..... (nếu có),

Tôi: .....

Chức vụ[3]: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm giữ *(tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề)*[4] của *(ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../.../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../.....;

Nơi cấp: .....

(1. Tên tổ chức vi phạm): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[5]:..... Giới tính: .....

Chức danh[6]: .....

2. Việc tạm giữ *(tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/giấy phép, chứng chỉ hành nghề)* [4] được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Việc niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này (nếu có).

4. Lý do tạm giữ[7]: .....

Thời hạn tạm giữ:..... ngày, từ ngày..../...../..... đến ngày...../...../ .....

6. Địa điểm tạm giữ[8]: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)[9]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông (bà)/Tổ chức[10]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho[11]..... để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu[12], ghi rõ chức vụ, họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội Vụ.

(2) Ghi địa danh, theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định.

(4) Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi **«tang vật, phương tiện vi phạm hành chính»**; nếu tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi **«giấy phép, chứng chỉ hành nghề»**; nếu tạm giữ cả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi **«tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề»**.

(5) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(6) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi rõ lý do tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo từng trường hợp cụ thể quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(8) Ghi rõ địa chỉ nơi tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

(9) Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

(10) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

(11) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

(12) Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được đóng dấu của cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định vào góc trên cùng bên trái của quyết định, nơi ghi tên cơ quan và số, ký hiệu của quyết định trong các trường hợp sau:

- Người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính không phải là người giữ chức danh lãnh đạo được đóng dấu trực tiếp lên chữ ký theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu.

- Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy.

MQĐ 07

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-TLTVPTGPCC	[2]....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số...../QĐ-TGTVPTGPCC ngày...../...../..... của[3].....
.....

Căn cứ Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số...../QĐ-KDTGTVPTGPCC ngày...../...../..... của[4]..... (nếu có);

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có),

Tôi:.....

Chức vụ[5]:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả lại *(tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/giấy phép, chứng chỉ hành nghề)*[6] đã bị tạm giữ cho *(ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp:.....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../.....;

Nơi cấp:.....

(1. Tên tổ chức):.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Mã số doanh nghiệp:.....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[7]:..... Giới tính: .....

Chức danh[8]:.....

2. Việc trả lại *(tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/giấy phép, chứng chỉ hành nghề)*[6] bị tạm giữ được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Việc mở niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ theo thủ tục hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này (nếu có).

4. Lý do trả lại[9]:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)[10]..... là cá nhân/đại diện cho tổ chức có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông (bà)/Tổ chức[11]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho[12]..... để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội Vụ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính.

(4) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính.

(5) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định.

(6) Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi **«tang vật, phương tiện vi phạm hành chính»**; nếu trả lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi **«giấy phép, chứng chỉ hành nghề»**; nếu trả lại cả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi **«tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề»**.

(7) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(8) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(9) Ghi rõ lý do trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo từng trường hợp cụ thể quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(10) Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức được nhận lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ.

(11) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức được nhận lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ.

(12) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

MQĐ 08

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-GQXP	.....[2], *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 4 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý, vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP);

Căn cứ[3].... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(cơ quan, tổ chức)*[1] .....;

Tôi: .....

Chức vụ[4]: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho ông (bà) có tên sau đây:

Họ và tên: .....

Chức vụ: .....

Đơn vị công tác: .....

1. Phạm vi được giao quyền[5]: .....

2. Nội dung giao quyền[6]: .....

3. Thời hạn được giao quyền[7]: .....

4. Được thực hiện các thẩm quyền của[8]:..... quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, kể từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....

Điều 2. Trong khi tiến hành các hoạt động xử phạt vi phạm hành chính, ông (bà) có tên tại Điều 1 Quyết định này phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình trước pháp luật và trước người giao quyền xử phạt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. *(Người đứng đầu bộ phận tổ, chức, bộ phận văn phòng của đơn vị), (người được giao quyền)*, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - Lưu: VT,.....	**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*

* Mẫu này được sử dụng để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính giao quyền cho cấp phó quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội Vụ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi đầy đủ tên loại văn bản; số, ký hiệu văn bản; ngày tháng năm ban hành văn bản; tên cơ quan ban hành và tên của văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

(4) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định.

(5) Ghi rõ giao quyền xử phạt vi phạm hành chính thường xuyên hay theo vụ việc quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính

(6) Ghi rõ thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính.

(7) Ghi cụ thể thời hạn được giao quyền (tính theo đơn vị thời gian tháng hoặc năm). Trường hợp giao quyền xử phạt vi phạm hành chính theo vụ việc thì không phải ghi thời hạn giao quyền.

(8) Ghi chức vụ của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

MQĐ 09

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-SĐXPVPHC

.....[2], *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 6a Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

Xét đề nghị của[3] .....

Tôi: .....

Chức vụ[4]: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quyết định số...../QĐ-XPVPHC ngày...../...../..... của[5] ..... xử phạt vi phạm hành chính đối với *(ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../.....;

Nơi cấp: .....

(1. Tên tổ chức vi phạm): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[6]:..... Giới tính: .....

Chức danh[7]: .....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-XPVPHC ngày...../..../.... của[5].....[8]:

3. Nội dung sửa đổi, bổ sung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số.... /QĐ-XPVPHC ngày...../...../..... của[5].....[9]:

a) Sửa đổi khoản.... Điều..... như sau: .....

b) Sửa đổi Điều.... như sau:.....

c) Sửa đổi..... như sau:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)[10]..... là cá nhân bị xử phạt/đại diện cho tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này. Nếu không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Ông (bà)/Tổ chức[11]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho[12]..... để thu tiền phạt.

3. Gửi cho[13]..... để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan cấp trên của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội Vụ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi chức vụ của người đứng đầu bộ phận tham mưu cho người có thẩm quyền ra quyết định.

(4) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định.

(5) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(6) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(8) Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: có sai sót về kỹ thuật làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định; có sai sót về nội dung nhưng không làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định.

(9) Ghi cụ thể nội dung, điều, khoản trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị sửa đổi, bổ sung và nội dung sửa đổi, bổ sung.

(10) Ghi họ và tên của cá nhân bị xử phạt/người đại diện tổ chức bị xử phạt.

(11) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị xử phạt.

(12) Ghi tên của Kho bạc nhà nước.

(13) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

MQĐ 10

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-ĐCXPVPHC

.....[2], *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Đính chính quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 6a Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-GQXP ngày...../...../..... (nếu có);

Xét đề nghị của[3] .....

Tôi: .....

Chức vụ[4]: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính Quyết định số...../QĐ-XPVPHC ngày...../...../..... của[5] ..... xử phạt vi phạm hành chính đối với *(ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../.....;

Nơi cấp: .....

(1. Tên tổ chức vi phạm): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[6]:..... Giới tính: .....

Chức danh[7]: .....

2. Lý do đính chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày...../..../..... của[5].....[8] .....

3. Nội dung đính chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày...../...../..... của[5].....[9]:

a) Khoản.... Điều.... Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày...../...../..... đã viết là: .....

Nay sửa lại là: .....

b) Điều.... Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày...../..../.... đã viết là: .....

Nay sửa lại là:.....

c)..... Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số...../QĐ-XPVPHC ngày...../...../..... đã viết là: .....

Nay sửa lại là: .....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông (bà)[10]..... là cá nhân bị xử phạt/đại diện cho tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông (bà)/Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định này. Nếu không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Ông (bà)/Tổ chức[11]..... có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho[12]..... để thu tiền phạt.

3. Gửi cho[13]..... để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT,.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để đính chính Quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc cơ quan cấp trên của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp người ra quyết định là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, thì ghi tên cơ quan theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội Vụ.

(2) Ghi địa danh theo hướng dẫn về thể thức của Bộ Nội vụ.

(3) Ghi chức vụ của người đứng đầu bộ phận tham mưu cho người có thẩm quyền ra quyết định.

(4) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định.

(5) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(6) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(8) Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Có sai sót về căn cứ pháp lý được viện dẫn; có sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản; có sai sót mang tính kỹ thuật nhưng không làm ảnh hưởng dẫn nội dung của quyết định.

(9) Ghi cụ thể nội dung, điều, khoản trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính bị đính chính và nội dung đính chính.

(10) Ghi họ và tên của cá nhân bị xử phạt/người đại diện tổ chức bị xử phạt.

(11) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức bị xử phạt.

(12) Ghi tên của Kho bạc nhà nước.

(13) Ghi họ và tên của cá nhân/tên của tổ chức có trách nhiệm chủ trì tổ chức thi hành Quyết định.

MBB01

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-VPHC

BIÊN BẢN
Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Hôm nay, hồi..... giờ..... phút, ngày...../...../..., tại[2] .....
Căn cứ ..... [3]

Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:..... Chức vụ: .....
Cơ quan: .....
2. Với sự chứng kiến của[4]:
a) Họ và tên:..... Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện nay:.....
b) Họ và tên:..... Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện nay:.....
c) Họ và tên:..... Chức vụ: .....
Cơ quan: .....

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với *(ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch: .....
Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện tại: .....
Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../.....;
Nơi cấp: .....
(1. Tên tổ chức vi phạm): .....
Địa chỉ trụ sở chính: .....
Mã số doanh nghiệp: .....
Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....
Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....
Người đại diện theo pháp luật[5]:.....Giới tính: .....
Chức danh[6]: .....
2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính[7]: .....
3. Quy định tại[8] .....
4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại[9]: .....

5. Ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm:

.....

6. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có):

.....

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có):

.....

8. Chúng tôi đã yêu cầu cá nhân/tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng, gồm (10).....

.....

10. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại	Tình trạng	Ghi chú

11. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ:

STT	Tên giấy phép, chứng chỉ hành nghề	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

12. Trong thời hạn(11).....ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà)(12) ..... là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm có quyền gửi <*văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp/văn bản giải trình*> đến ông (bà)(13)..... để thực hiện quyền giải trình.

Biên bản lập xong hồi.... giờ.... phút, ngày...../...../..., gồm.... tờ, được lập thành.... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu tên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà)(12)..... là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

<**Trường hợp cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản**>

Lý do ông (bà)(12)..... cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản(14): .....

CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI BỊ THIỆT HẠI
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

* Mẫu này được sử dụng để lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

(2) Ghi địa điểm lập biên bản là nơi xảy ra vi phạm hoặc trụ sở cơ quan làm việc của người có thẩm quyền lập biên bản.

(3) Ghi đầy đủ các căn cứ của việc lập biên bản như: Kết luận thanh tra; biên bản làm việc; kết quả ghi nhận của phương tiện, thiết bị kỹ thuật, nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều 64 Luật xử lý vi phạm hành chính;....

(4) Trường hợp cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản, thì người có thẩm quyền lập biên bản phải mời 02 người chứng kiến hoặc mời đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm để chứng kiến.

(5) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(6) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm (ngày, giờ, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; nếu điều khiển phương tiện thì phải ghi rõ tên tàu, loại tàu, công suất máy chính, tổng dung tích/trọng tải toàn phần, số IMO, tọa độ, hành trình...).

(8) Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

(9) Ghi họ và tên của người bị thiệt hại. Trường hợp tổ chức bị thiệt hại, thì ghi họ và tên, chức vụ người đại diện tổ chức bị thiệt hại và tên của tổ chức bị thiệt hại.

(10) Ghi cụ thể tên các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính đã được áp dụng.

(11) Ghi cụ thể thời hạn: Không quá 02 ngày làm việc, trong trường hợp cá nhân/tổ chức vi phạm yêu cầu giải trình trực tiếp; không quá 05 ngày, trong trường hợp cá nhân/tổ chức vi phạm giải trình bằng văn bản.

(12) Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm. Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha/mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

(13) Họ và tên, chức vụ của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

(14) Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan khác....

MBB 02

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-CCXP

BIÊN BẢN
Về việc <*cá nhân/tổ chức*> vi phạm không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Hôm nay, ngày..../..../....., tại[2].....

Chúng tôi gồm:

1. Người giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Họ và tên:..... Chức vụ: .....

Cơ quan: .....

2. Với sự chứng kiến của đại diện chính quyền:

Họ và tên:..... Chức vụ: .....

Cơ quan[3]: .....

Tiến hành lập biên bản về việc <*ông (bà)/tổ chức*> vi phạm có tên sau đây cố tình không nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

<*Họ và tên*>:..... Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh:..../..../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu:.....; ngày cấp:..../..../.....; nơi cấp: .....

<*Tên tổ chức vi phạm*>: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động:

.....

Ngày cấp:..../..../.....; nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[4]:..... Giới tính: .....

Chức danh[5]:..... là <*cá nhân/tổ chức*> vi phạm có tên trong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số..../QĐ-XPVPHC ngày..../..../..... của[6]..... để chấp hành, nhưng ông (bà)[7]..... là cá nhân vi phạm/đại diện cho tổ chức vi phạm cố tình không nhận Quyết định.

Biên bản này gồm.... tờ, được lập thành.... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà)[8]..... là đại diện của[3]..... nơi <*cá nhân vi phạm cư trú/tổ chức vi phạm đóng trụ sở*> 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)	*(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*

* Mẫu này được sử dụng để giao trực tiếp quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

(2) Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.

(3) Ghi tên của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cá nhân vi phạm cư trú/tổ chức vi phạm đóng trụ sở.

(4) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(5) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(6) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

(7) Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

(8) Ghi họ và tên của người đại diện chính quyền nơi cá nhân vi phạm cư trú/tổ chức vi phạm đóng trụ sở.

MBB 03

CƠ QUAN[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BB-TGTVPTGPCC

BIÊN BẢN
Tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Thi hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số:...../QĐ-TGTVPTGPCC ngày...../...../..... của[2].....

Hôm nay, hồi..... giờ..... phút, ngày...../...../....., tại[3] .....

Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:..... Chức vụ: .....

Cơ quan: .....

Họ và tên:..... Chức vụ: .....

Cơ quan: .....

2. Với sự chứng kiến của[4]:

a) Họ và tên:..... Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện nay:.....

b) Họ và tên:..... Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện nay:.....

Tiến hành lập biên bản tạm giữ ***<tang vật phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề >***[5] ***(của/nhưng)***[6] .....

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../.....;

Nơi cấp: .....

(1. Tên tổ chức vi phạm): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;.....nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[7]:..... Giới tính: .....

Chức danh[8]: .....

2. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại	Tình trạng	Ghi chú

3. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ, gồm:

STT	Tên giấy phép, chứng chỉ hành nghề	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú

Ngoài những tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các giấy tờ nêu trên, chúng tôi không tạm giữ thêm thứ gì khác.

4. Ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm:.....

.....

5. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có): .....

.....

6. Ý kiến bổ sung (nếu có):.....

.....

Biên bản lập xong hồi.... giờ.... phút, ngày..../.../..., gồm.... tờ, được lập thành.... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà)[9]..... là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

(Trường hợp cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản)

Lý do ông (bà)[9].... cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản[10]: .....

.....

CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC/ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM *(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*
NGƯỜI CHỨNG KIẾN *(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*	**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH TẠM GIỮ** (Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề quy định tại Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

(2) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

(3) Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.

(4) Trường hợp không xác định được người vi phạm hoặc người vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản, thì người có thẩm quyền lập biên bản phải mời 02 người chứng kiến.

(5) Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi **«tang vật, phương tiện vi phạm hành chính»**; nếu tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi **«giấy phép, chứng chỉ hành nghề»**; nếu tạm giữ cả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi **«tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề»**.

(6) Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu xác định được người vi phạm/tổ chức vi phạm, thì ghi **«của (ông (bà)/tổ chức) có tên sau đây:»**; nếu không xác định được người vi phạm/tổ chức vi phạm, thì ghi **«nhưng không xác định được người vi phạm/tổ chức vi phạm»** và không phải ghi các thông tin tại mục [1].

(7) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(8) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(9) Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm. Nếu cá nhân vi phạm là người chưa thành niên, gửi cho cha/mẹ hoặc người giám hộ của người đó 01 bản.

(10) Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Không xác định được người vi phạm; Người vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan khác....

MBB 04

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-TLTG

BIÊN BẢN
Trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Thi hành Quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ số:...../QĐ-TLTVPTGPCC ngày...../...../..... của[2] .....

Hôm nay, hồi..... giờ..... phút, ngày...../..... /....., tại[3] .....

Chúng tôi gồm:

1. Họ và tên:..... Chức vụ: .....

Cơ quan: .....

2. Với sự chứng kiến của:

a) Họ và tên:..... Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện nay:.....

b) Họ và tên:..... Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện nay:.....

3. *(Ông (bà)/tổ chức) là chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp*[4] được trả lại *(tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/giấy phép, chứng chỉ hành nghề)*[5] *đã bị tạm giữ:*

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....Quốc tịch: .....

Nghề nghiệp: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../.....;

Nơi cấp: .....

(1. Tên tổ chức): .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....

Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....

Người đại diện theo pháp luật[6]:..... Giới tính: .....

Chức danh[7]: .....

Tiến hành trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số...../QĐ-TGTVPTGPCC ngày..../.../..... của[8]...

1. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ được trả lại, gồm có:

STT	Tên tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại	Tình trạng	Ghi chú

2. Giấy phép, chứng chỉ hành nghề được trả lại, gồm có:

STT	Tên giấy phép, chứng chỉ hành nghề	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú

3. Ý kiến bổ sung khác (nếu có): .....

Biên bản lập xong hồi.... giờ..... phút, ngày..../..../..., gồm.... tờ, được lập thành.... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà)[9]..... là cá nhân/người đại diện tổ chức 01 bản và 01 bản lưu hồ sơ.

CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐƯỢC NHẬN LẠI TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH, GIẤY PHÉP, CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ[10]
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

---

* Mẫu này được sử dụng để trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản.

(2) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giam.

(3) Ghi địa chỉ trụ sở cơ quan làm việc của người có thẩm quyền lập biên bản.

(4) Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp, thì ghi **«... là chủ sở hữu, người, quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp»**; nếu trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính/giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì không phải ghi thông tin tại điểm này.

(5) Ghi theo từng trường hợp cụ thể: Nếu trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp hoặc trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì ghi **«tang vật, phương tiện vi phạm hành chính»**; nếu trả lại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi **«giấy phép, chứng chỉ hành nghề»**; nếu trả lại cả tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì ghi **«tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và giấy phép, chứng chỉ hành nghề»**.

(6) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(8) Ghi chức danh và cơ quan của người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

(9) Ghi họ và tên của cá nhân/người đại diện tổ chức được nhận lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

(10) Trường hợp trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp, thì người có thẩm quyền lập biên bản đề nghị những người này ký xác nhận vào biên bản, không bắt buộc phải có sự chứng kiến của cá nhân/tổ chức đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và chữ ký xác nhận của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

MBB 05

CƠ QUAN[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BB-XM

BIÊN BẢN
Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa*

Căn cứ .....[2]
Hôm nay, hồi..... giờ..... phút, ngày...../..... /..... tại[3] .....
Chúng tôi gồm:
1. Họ và tên:..... Chức vụ: .....
Cơ quan: .....
2. Với sự chứng kiến của[4]:
a) Họ và tên:..... Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện nay:.....
b) Họ và tên:..... Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện nay:.....
c) Họ và tên:..... Chức vụ: .....
Cơ quan: .....

Tiến hành lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với *(ông (bà)/tổ chức)* có tên sau đây:

(1. Họ và tên):..... Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Quốc tịch: .....
Nghề nghiệp: .....
Nơi ở hiện tại: .....
Số định danh cá nhân/GCNKNCM/CMND/Hộ chiếu:..... ngày cấp:...../...../...;
Nơi cấp: .....
(1. Tên tổ chức vi phạm): .....
Địa chỉ trụ sở chính: .....
Mã số doanh nghiệp: .....
Số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động: .....
Ngày cấp:...../...../.....;..... nơi cấp: .....
Người đại diện theo pháp luật[5]:..... Giới tính: .....
Chức danh[6]: .....
2. Đã có hành vi vi phạm hành chính[7]: .....
3. Quy định tại[8]: .....
4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có)[9]: .....
5. Tính chất, mức độ thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra: .....
6. Tình tiết giảm nhẹ: .....
7. Tình tiết tăng nặng: .....
8. Ý kiến trình bày của cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm: .....

9. Ý kiến trình bày của người chứng kiến (nếu có): .....

10. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có): .....

11. Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải trưng cầu giám định (trong trường hợp cần thiết): .....

.....

.....

12. Những tình tiết xác minh khác:.....

.....

.....

Biên bản lập xong hồi.... giờ.... phút, ngày..../.../... gồm.... tờ, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà)[10]..... là cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm 01 bản và 01 bản lưu hồ sơ.

(Trường hợp cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản)

Lý do ông (bà)[10]... cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không ký biên bản[11]: .....

CÁ NHÂN VI PHẠM HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM *(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** *(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*
ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN *(Ký tên, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN** *(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*
NGƯỜI BỊ THIỆT HẠI *(Ký tên, ghi rõ họ và tên)*	

---

* Mẫu này được sử dụng để xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính quy định tại Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính.

(1) Ghi tên cơ quan của người có thẩm quyền lập biên bản xác minh.

(2) Ghi các căn cứ của việc lập biên bản xác minh.

(3) Ghi địa chỉ trụ sở cơ quan làm việc của người có thẩm quyền lập biên bản xác minh.

(4) Trường hợp cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản, thì người có thẩm quyền lập biên bản phải mời 02 người chứng kiến hoặc mời đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm để chứng kiến.

(5) Ghi họ và tên của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi họ và tên của chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi họ và tên của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(6) Ghi chức danh của người đại diện theo pháp luật nếu là công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần; ghi chức danh chủ doanh nghiệp nếu là doanh nghiệp tư nhân; ghi chức danh của người đứng đầu tổ chức không phải là doanh nghiệp.

(7) Ghi tóm tắt mô tả hành vi vi phạm.

(8) Ghi điểm, khoản, điều của nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực cụ thể.

(9) Ghi họ và tên của người bị thiệt hại. Trường hợp tổ chức bị thiệt hại, thì ghi họ và tên, chức vụ người đại diện tổ chức bị thiệt hại và tên của tổ chức bị thiệt hại.

(10) Ghi họ và tên của cá nhân vi phạm/người đại diện tổ chức vi phạm.

(11) Ghi rõ lý do theo từng trường hợp cụ thể: Cá nhân vi phạm/đại diện tổ chức vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan khác....